

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HS-ST
Ngày 02 tháng 10 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu; Ông Phạm Đình Bông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thơm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2019/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Quý Đ (tên gọi khác: *Trần Quý Đ*), sinh năm 1996; Nơi sinh: tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quý T (sinh năm 1964) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1965); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 25/4/2019 bị Công an xã N, huyện K xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40 ngày 28/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xử phạt bị cáo 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/10/2013 về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích theo quy định của pháp luật; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2019 đến nay. Hiện tạm giam - Có mặt.

Bị hại: Anh Phạm Xuân V, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Đ, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi liên quan: Anh Đặng Bảo D, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 12/5/2019 anh Phạm Xuân V gặp anh Đặng Bảo D và Trần Quý Đ tại ngã tư xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Anh V rủ Đ đi cùng ra xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông để trả tiền mua đất. Trước khi đi, anh V điều khiển xe mô tô hiệu WAVE RSX, biển kiểm soát: 48C1-130.35 chở Đ đến Đại lý thu mua nông sản N tại thôn N, xã Đ, huyện K tỉnh Đắk Nông gặp anh Nguyễn Đắc Đ để lấy số tiền bán cà phê là 25.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền anh V để vào trong cốp xe rồi chở Đ đến xã S, huyện K nhưng không gặp người bán đất nên anh V chở Đ đến nhà anh Nguyễn Văn L tại thôn Đ, xã D, huyện K để mua cá và nhậu, trong lúc nhậu có anh Đặng Bảo D đến tham gia. Đến khoảng 15 giờ do hết bia nên anh D đưa chìa khóa xe mô tô hiệu SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát 48C1-168.63 của anh D và tiền cho Đ nhờ đi mua bia, còn mọi người xuống ao kéo cá, khi Đ mua bia về thì Đ ở trên bờ ao nướng cá. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày trong lúc mọi người đang ở dưới ao kéo cá thì Đ đi lên hiên nhà anh L nơi để chiếc xe mô tô hiệu WAVE RSX, biển kiểm soát: 48C1-130.35 của anh V. Đ dùng tay phải nhấc yên xe lên rồi dùng tay trái luồn vào trong cốp xe tìm cọc tiền mà Đ đã nhìn thấy anh V bỏ vào cốp xe trước đó. Đ luồn tay xuống dưới lớp áo mưa lấy ra 01 cọc tiền được cột bằng dây thun bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô hiệu SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát 48C1-168.63 của anh D (*đã đưa chìa khóa cho Đ trước đó*) ra trung tâm huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông. Khi đến khu vực đường rẽ vào xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, Đ đếm cọc tiền vừa trộm cắp được 25.000.000 đồng (*loại tiền polime mệnh giá 500.000 đồng*). Đến khoảng 20 giờ tối ngày 12/5/2019 Đ mua 01 sim điện thoại Viettel số thuê bao 0327.240.165 ở một cửa hàng tại huyện Cư Jut để nhắn tin cho anh D, thừa nhận việc mình lấy 25.000.000 đồng của anh V. Sáng ngày 13/5/2019 Đ đến tiệm rửa xe ở số 121 T, thị trấn E, huyện Cư Jut gửi lại chiếc xe hiệu SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát 48C1-168.63, rồi nhắn tin địa chỉ cho anh D đến lấy xe về. Sau đó Đ đến khu vực nhà thờ tại ngã ba Tân Hải, thị trấn EaTling, huyện Cư Jút gọi điện thoại hẹn gặp một người tên T (*không rõ nhân thân, lai lịch và địa chỉ*) để trả nợ 12.000.000 đồng. Đến chiều ngày 13/5/2019 Đ đến Trung tâm Viettel tại ngã ba EaKao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk gửi số tiền 7.000.000 đồng cho chị Đặng Thị Thu T (*chị gái của anh D*) để nhờ anh D trả lại cho anh V. Còn lại 6.000.000 đồng Đ sử dụng vào việc ăn, ở và tiền xe đi lại. Đến ngày 16/6/2019 Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Krông Nô đầu thú.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô không thu giữ vật chứng gì.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Phạm Xuân V yêu cầu bị cáo Trần Quý Đ phải bồi thường số tiền 18.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 40/CT-VKS ngày 11/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô truy tố bị cáo Trần Quý Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: Ngày 12/5/2019, tại thôn thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Nông, Trần Quý Đ đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 25.000.000 đồng của anh Phạm Xuân V để trong cốp xe mô tô hiệu WAVE RSX, biển kiểm soát: 48C1-130.35 của anh V. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do đó, Viện kiểm sát nhân huyện Krông Nô giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Quý Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại với số tiền 7.000.000 đồng cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Tuyên bố bị cáo Trần Quý Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quý Đ từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam, tạm giam.
- Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô không thu giữ vật chứng gì, nên không đề cập giải quyết.
- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại anh Phạm Xuân V số tiền 18.000.000 đồng.

Phần tranh luận bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về tái hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển mọi hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo cũng như pháp luật buộc bị cáo phải biết được rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ. Song do ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, nhưng lại muốn có tiền để tiêu xài cá nhân không bằng chính sức lao động của mình nên vào khoảng 16 giờ ngày 12/5/2019, tại thôn thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Nông, Trần Quý Đ đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 25.000.000 đồng của anh Phạm Xuân V để trong cốp xe mô tô hiệu WAVE RSX, biển kiểm soát: 48C1-130.35 của anh V. Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, cụ thể:

“Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và nhân thân của bị cáo:

3.1. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền sự, ngày 25/4/2019 bị Công an xã Nam Đà, huyện Krông Nô xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 28/10/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích theo quy định của pháp luật. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình, mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng tính chất, mức độ mà bị cáo gây ra, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

3.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại với số tiền 7.000.000 đồng; trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, HĐXX

sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4]. Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô không thu giữ vật chứng gì, nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan Đặng Bảo D không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe hiệu SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát 48C1-168.63 (*chiếc xe này anh D đưa cho D đi và D gửi tại tiệm rửa xe ở số 121 T, thị trấn E, huyện C rồi nhắn tin địa chỉ cho anh D đến lấy xe về*); bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 18.000.000 đồng, bị cáo đồng ý với yêu cầu của bị hại và yêu cầu của bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 18.000.000 đồng.

[5]. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quý Đ phải chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm và tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quý Đ (tên gọi khác: Trần Quý Đ) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quý Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/6/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại anh Phạm Xuân V số tiền 18.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Trần Quý Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 900.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS-CA tỉnh Đắk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện Krông Nô;
- Cơ quan THAHS-CA huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Tiến Thọ